

SỞ Y TẾ THANH HÓA
TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN
VĨNH LỘC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 359 /VBCB-TTYT

Vĩnh Lộc, ngày 01 tháng 4 năm 2021

VĂN BẢN CÔNG BỐ
Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đủ điều kiện khám sức khỏe

Kính gửi: Sở Y tế tỉnh Thanh Hóa.

Tên cơ sở nộp hồ sơ: Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Lộc

Địa Điểm: Thôn Bái Xuân, xã Vĩnh Phúc, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh
Hóa

Điện Thoại: 02373870101

Email:

Công bố đủ điều kiện khám sức khỏe gửi kèm theo văn bản này 01 bộ hồ sơ
gồm các giấy tờ sau:

1. Bản sao hợp lệ giấy phép hoạt động của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;
2. Danh sách người tham gia khám sức khỏe;
3. Bản kê khai cơ sở vật chất, thiết bị Y tế, tổ chức và nhân sự của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;
4. Báo cáo về phạm vi hoạt động chuyên của cơ sở khám sức khỏe;
5. Các hợp đồng hỗ trợ chuyên môn kỹ thuật hợp pháp./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi (B/c);
- Lưu đơn vị;

GIÁM ĐỐC

Phạm Văn Tiến

UBND TỈNH THANH HÓA
SỞ Y TẾ

Số: 854 /TH-GPHĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN SAO

GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ

Căn cứ Luật khám bệnh, chữa bệnh ngày 23 tháng 11 năm 2009;
Xét đề nghị của Trưởng phòng Nghiệp vụ Y - Sở Y tế,

CẤP GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

Tên cơ sở khám chữa bệnh: **Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Lộc**

Tên người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật: **Trịnh Xuân Thủy**

Số chứng chỉ hành nghề: 000295/TH-CCHN; Ngày cấp: 15/10/2015

Nơi cấp: **Sở Y tế Thanh Hoá**

Hình thức tổ chức: **Phòng khám đa khoa**

Địa điểm hành nghề: xã Vĩnh Phúc, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa

Phạm vi hoạt động chuyên môn: Thực hiện kỹ thuật chuyên môn được Giám đốc
Sở Y tế phê duyệt ban hành kèm theo giấy phép hoạt động.

Thời gian làm việc hằng ngày: **Tất cả các ngày trong tuần.**

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG VĨNH LỘC Thanh Hoá, ngày 27 tháng 7 năm 2020

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực: **218**..... Quyền số: **01**.....

Ngày **21** Tháng **08** Năm **2020**

CÔNG CHỨNG VIÊN



**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Đỗ Thái Hòa

CÔNG CHỨNG VIÊN

Tạ Quang Thục

Vĩnh Lộc, ngày 29 tháng 3 năm 2021

DANH SÁCH NGƯỜI THỰC HIỆN KHÁM SỨC KHỎE

1. Tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh: Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Lộc.
2. Địa chỉ: Thôn Bái Xuân; xã Vĩnh Phúc; huyện Vĩnh Lộc; tỉnh Thanh Hóa.
3. Thời gian hoạt động của cơ sở khám sức khỏe: 8h/ngày; 5 ngày/tuần (nghỉ Thứ 7, Chủ nhật)
 - Mùa hè: + Buổi sáng: Từ 7 giờ 00 phút đến 11 giờ 30 phút;
+ Buổi chiều: Từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ 00 phút;
 - Mùa đông: + Buổi sáng: Từ 7 giờ 00 phút đến 11 giờ 30 phút;
+ Buổi chiều: Từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút.
4. Danh sách người thực hiện khám sức khỏe:

TT	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Vị trí chuyên môn ¹
1	Trịnh Xuân Thủy	000295/TH-CCHN	Khám chữa bệnh Nội khoa, hồi sức cấp cứu, siêu âm tổng quát, điện tim	Bác sỹ chuyên khoa 1 - khám nội, siêu âm, điện tim và kết luận
2	Đặng Đức Thảo	009432/TH-CCHN	Bác sỹ Y khoa, giấy chứng nhận Nội soi tiêu hóa, siêu âm ổ bụng tổng quát	Bác sỹ đ khoa - khám nội khoa, siêu âm, điện tim,
3	Phạm Văn Ngọc	000975/TH-CCHN	Khám chữa bệnh Ngoại khoa	Thạc sỹ, bác sỹ ngoại khoa khám Ngoại khoa
4	Quách Tuấn Ngọc	001468/TH-CCHN	Khám chữa bệnh Nội khoa và chẩn đoán hình ảnh	Bác sỹ chuyên khoa cấp I chẩn đoán hình ảnh
5	Trịnh Văn Hiếu	001562/TH-CCHN	Khám chữa bệnh đa khoa	Bác sỹ đa khoa khám Răng-Hàm-Mặt

6	Quách Văn Vĩnh	012710/TH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Răng hàm mặt, làm RHG, Tai mũi họng	Bác sĩ đa khoa – Khám tai mũi họng
7	Bùi Văn Liên	005706/TH-CCHN	Bác sĩ Y khoa – Định hướng chuyên ngành nhãn khoa	Bác sĩ khám Mắt
8	Trần Đức Thắng	000657/TH-CCHN	Khám chữa bệnh chuyên Ngành sản phụ khoa	Bác sĩ chuyên khoa sơ bộ sản phụ khoa, khám sản phụ khoa
9	Tào Văn Nam	01768/TH-CCHN	Khám chữa bệnh đa khoa	Bác sĩ đa khoa khám da liễu
10	Lê Đức Đạt	017679/TH-CCHN	Khám chữa bệnh bằng Y học cổ truyền	Bác sĩ Y học cổ truyền khám thể lực
11	Trịnh Thị Xuân	008251/TH-CCHN	Điều dưỡng viên	Điều dưỡng viên phụ giúp bác sĩ khám thể lực
12	Phạm Thị Lan	017698/TH-CCHN	Kỹ thuật viên xét nghiệm	Kỹ thuật viên xét nghiệm, xét nghiệm máu, nước tiểu
13	Nguyễn Mai Hương	016361/TH-CCHN	Kỹ thuật viên xét nghiệm	Kỹ thuật viên xét nghiệm, xét nghiệm máu, nước tiểu

Vĩnh lộc, ngày 29 tháng 3 năm 2021

**Người chịu trách nhiệm chuyên môn
kỹ thuật của cơ sở khám chữa bệnh**



PHÓ GIÁM ĐỐC
Trịnh Xuân Châu

SỞ Y TẾ THANH HÓA
TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN
VĨNH LỘC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Vĩnh Lộc, ngày 29 tháng 3 năm 2021

BẢN KÊ KHAI
CƠ SỞ VẬT CHẤT, THIẾT BỊ Y TẾ, TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ CỦA CƠ SỞ
KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh: Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Lộc.
2. Địa chỉ: Thôn Bái Xuân; xã Vĩnh Phúc; huyện Vĩnh Lộc; tỉnh Thanh Hóa.
Điện thoại: 02373870101 Email:
3. Quy mô: 06 giường bệnh

II. TỔ CHỨC:

1. Hình thức tổ chức:

Phòng khám đa khoa thuộc Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Lộc (Theo quy định tại Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ và Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính Phủ).

2. Cơ cấu tổ chức:

- Bộ phận Nội khoa
- Bộ phận Sản phụ khoa
- Bộ phận Răng hàm mặt và tiêm chủng
- Bộ phận Cận lâm sàng
- Bộ phận Dược
- Bộ phận Kế toán

III. NHÂN SỰ:

1. Danh sách trưởng khoa, phụ trách phòng, bộ phận chuyên môn:

TT	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề đã được cấp	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký làm việc tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Tên khoa, phòng, bộ phận chuyên môn	Vị trí, chức danh được bổ nhiệm
1	Trịnh Xuân Thủy	009921/TH-CCHN	Khám nội, HSCC, Điện tim, siêu âm tổng quát	08 giờ/ngày; 05 ngày/tuần (các ngày từ thứ 2 đến thứ 6)	Phòng khám đa khoa	Phụ trách bộ phận khám nội, HSCC, Điện tim, siêu âm tổng quát
2	Trịnh Văn Hiếu	001562/TH-CCHN	Khám, chữa bệnh đa khoa	08 giờ/ngày; 05 ngày/tuần (các ngày từ thứ 2 đến thứ 6)	Khoa Cận lâm sàng	Trưởng khoa
3	Trần Đức Thắng	000657/TH-CCHN	Khám chữa bệnh chuyên ngành sản phụ khoa	08 giờ/ngày; 05 ngày/tuần (các ngày từ thứ 2 đến thứ 6)	Khoa CSSKSS	Trưởng khoa

2. Danh sách người hành nghề:

TT	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (ghi cụ thể thời gian làm việc)	Vị trí chuyên môn ¹
1	Trịnh Xuân Thủy	016223/TH-CCHN	009921/TH-CCHN	Khám nội, HSCC, Điện tim, siêu âm tổng quát	Chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật của Phòng khám, Khám chữa bệnh nội khoa
2	Trịnh Văn Hiếu	009921/TH-CCHN	001562/TH-CCHN	Khám, chữa bệnh đa khoa	Khám chữa bệnh đa khoa

4	Trần Đức Thắng	000657/ TH- CCHN	Khám chữa bệnh chuyên Ngành sản phụ khoa	08 giờ/ngày; 05 ngày/tuần (các ngày từ thứ 2 đến thứ 6)	Khám chữa bệnh sản phụ khoa
5	Tào Văn Nam	01768/T H- CCHN	Khám chữa bệnh đa khoa	08 giờ/ngày; 05 ngày/tuần (các ngày từ thứ 2 đến thứ 6)	Khám chữa bệnh đa khoa
6	Trịnh Thị Xuân	008251/ TH- CCHN	Điều dưỡng viên	08 giờ/ngày; 05 ngày/tuần (các ngày từ thứ 2 đến thứ 6)	Điều dưỡng viên
7	Trần Thị Minh Tâm	001383/ TH- CCHN	Điều dưỡng sản khoa	08 giờ/ngày; 05 ngày/tuần (các ngày từ thứ 2 đến thứ 6)	Điều dưỡng viên
8	Bùi Thị Thuần	008250/ TH- CCHN	Nữ hộ sinh	08 giờ/ngày; 05 ngày/tuần (các ngày từ thứ 2 đến thứ 6)	Nữ hộ sinh
9	Hoàng Thị Thùy	000451/ TH- CCHN	CN điều dưỡng sản khoa	08 giờ/ngày; 05 ngày/tuần (các ngày từ thứ 2 đến thứ 6)	Điều dưỡng sản khoa
10	Phạm Thị Lan	017698/ TH- CCHN	Kỹ thuật viên xét nghiệm	08 giờ/ngày; 05 ngày/tuần (các ngày từ thứ 2 đến thứ 6)	Kỹ thuật viên xét nghiệm
11	Nguyễn Mai Hương	016361/ TH- CCHN	Kỹ thuật viên xét nghiệm	08 giờ/ngày; 05 ngày/tuần (các ngày từ thứ 2 đến thứ 6)	Kỹ thuật viên xét nghiệm
12	Đinh Thị Vân Anh	Đang làm	Cao đẳng dược	08 giờ/ngày; 05 ngày/tuần (các ngày từ thứ 2 đến thứ 6)	Thủ kho dược

TIN
UNG
Y T
HUY
INH

3. Danh sách người làm việc

STT	Họ và tên	Văn bằng chuyên môn	Thời gian đăng ký làm việc tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí việc làm
1	Vũ Thị Bích	Cử nhân kế toán	08 giờ/ngày; 05 ngày/tuần (các ngày từ thứ 2 đến thứ 6)	Thu phí, lệ phí
2	Trịnh Thị Minh	Cử nhân công nghệ thông tin	08 giờ/ngày; 05 ngày/tuần (các ngày từ thứ 2 đến thứ 6)	Công tác xã hội, đón tiếp

IV. TRANG THIẾT BỊ Y TẾ:

TT	Tên trang thiết bị	Model	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Số lượng	Tình trạng sử dụng
1	Máy siêu màu 4D	NTBHH-2020	Nhật bản	2020	1	Tốt
2	Hệ thống soi cổ tử cung Sony CCD			2019	1	Tốt
3	Máy điện tim			2007	1	Tốt
4	Kính hiển vi 2 mắt	CX23LEDRFS1	Trung Quốc	2016	1	Tốt
5	Tủ bảo quản sinh phẩm				1	Tốt
6	Nồi hấp ướ	NIHOPHOW A-AS20	Việt Nam	2018	1	Tốt
7	Tủ ấ		Pháp	2016	1	Tốt
8	Máy phân tích nước tiểu		Đức	2010	1	Tốt
9	Máy sinh hóa	BA-88A	Trung Quốc	2016	1	Tốt
10	Máy ly tâm	NO-800D	Trung Quốc		02	Tốt
11	Tủ sấy	NA-DEX25E			01	Tốt

12	Bàn khám phụ khoa				2	Tốt
13	Bộ khám phụ khoa				20	Tốt
14	Bơm hút thai 1 van				02	Tốt
15	Bơm hút thai 2 van				1	Tốt
16	Đèn gù				02	Tốt

V. CƠ SỞ VẬT CHẤT:

- Tổng diện tích mặt bằng: 5.000 m²
- Tổng diện tích đất xây dựng: 1.200 m²
- Kết cấu xây dựng nhà: Bê tông cốt thép 02 tầng
- Tổng diện tích sàn: 2.700 m²
- Phòng khám đa khoa - Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Lộc được bố trí tại tầng bao gồm:
 - + Khu vực đón tiếp, tư vấn hướng dẫn, lấy số: 30 m²
 - + Phòng sơ cứu, cấp cứu: 16 m²
 - + Phòng lưu bệnh nhân: 20 m²
 - + Phòng khám nội: 16 m²
 - + Phòng khám sản phụ khoa: 16 m²
 - + Phòng tiểu phẫu: 16 m²
 - + Phòng thu viện phí, thanh toán BHYT, văn thư: 16 m²
 - + Phòng cấp phát thuốc: 16 m²
 - + Phòng kho dược: 32 m²
 - + Phòng lấy mẫu máu xét nghiệm, hành chính khoa cận lâm sàng: 32 m²
 - + Labo huyết học, sinh hóa: 16 m²
 - + Phòng hấp sấy tập trung: 16 m²
 - + Phòng siêu âm: 16 m²
- Các điều kiện vệ sinh môi trường :
 - Xử lý nước thải:
 - + Hệ thống xử lý bằng bể tự hoại
 - + Nước bề mặt theo hệ thống cống thu gom



- Xử lý rác thải y tế, rác thải sinh hoạt
 - + Hợp đồng với Bệnh viện Đa khoa Thạch Thành về việc vận chuyển và xử lý chất thải Y tế lây nhiễm.
 - + Hợp đồng thu gom rác thải sinh hoạt.
7. An toàn bức xạ: (Phòng khám chưa trang bị máy Xquang, CT Scanner)
8. Hệ thống phụ trợ:
- + Hệ thống Phòng cháy chữa cháy và phương án phòng cháy chữa cháy.
 - + Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước chảy tràn.
 - + Hệ thống thông tin liên lạc: các phòng khoa đã lắp đặt đầy đủ mạng internet và điện thoại cố định.
 - + Máy phát điện: Có.
 - + Cơ sở vật chất khác: Nhà kho, nhà để xe nhân viên và bệnh nhân, nhà bảo vệ, ...

GIÁM ĐỐC



Phạm Văn Tiến

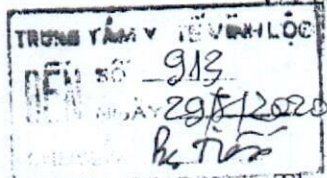


UBND TỈNH THANH HOÁ
SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2362 /SYT-NVY
V/v cấp mã cơ sở KBCB

Thanh Hoá, ngày 29 tháng 7 năm 2020



BẢN SAO

Kính gửi: Trung tâm y tế huyện Vĩnh Lộc

Thực hiện Quyết định số 384/QĐ-BYT ngày 30/01/2019 của Bộ Y tế về Nguyên tắc cấp mã cơ sở khám bệnh, chữa bệnh và Công văn số: 115/KCB-QLCL&CDT ngày 01/2/2019 của Cục Quản lý Khám chữa bệnh về việc hướng dẫn thực hiện Quyết định số 384/QĐ-BYT. Sở Y tế Thanh Hóa cấp mã cơ sở khám chữa bệnh cho:

- a) Tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh: Trung tâm y tế huyện Vĩnh Lộc
- b) Địa chỉ: Xã Vĩnh Phúc, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa
- c) Số giấy phép hoạt động: 854/TH-GPHĐ ngày 27/7/2020
- d) Tuyến kỹ thuật: Tuyến 3
- e) Hình thức tổ chức: Phòng khám
- f) Mô hình tổ chức: Đa khoa
- g) Loại hình quản lý: Công lập

CÓ MÃ LÀ: 38785

Nơi nhận:

- Như trên;
- BHXH tỉnh (để p/h);
- Lưu: VT, NVY_{PhướcHN (02).}

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG VĨNH LỘC
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực : 319... Quyển số : 41...
Ngày 21... Tháng 08... Năm 2020



CÔNG CHỨNG VIÊN
Tạ Quang Thục

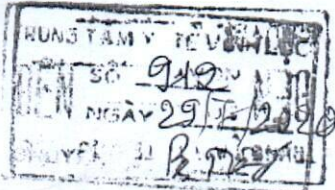
KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Đỗ Thái Hòa

Số: 743 /QĐ-SYT

Thanh Hóa, ngày 29 tháng 7 năm 2020



QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt danh mục kỹ thuật trong khám, chữa bệnh
thực hiện tại Trung tâm y tế huyện Vĩnh Lộc

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ THANH HOÁ

Căn cứ Quyết định số 3766/QĐ-UBND ngày 26/11/2008 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về Y tế thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện;

Căn cứ Thông tư 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ Y tế về việc Quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Xét đề nghị của Phòng Nghiệp vụ Y - Sở Y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Danh mục 136 kỹ thuật trong khám, chữa bệnh thực hiện tại Trung tâm y tế huyện Vĩnh Lộc bao gồm (có danh mục kèm theo).

Điều 2. Trung tâm y tế huyện Vĩnh Lộc có nhiệm vụ bảo đảm về cơ sở vật chất, trang thiết bị và nhân lực có trình độ chuyên môn để thực hiện các kỹ thuật trong khám, chữa bệnh đã được phê duyệt; thực hiện đúng các quy định liên quan của pháp luật, bảo đảm an toàn cho người bệnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Các Ông, Bà Trưởng phòng Nghiệp vụ Y; QLHNYD tư nhân; Kế hoạch - Tài chính, Chánh thanh tra Sở Y tế, Giám đốc Trung tâm y tế huyện Vĩnh Lộc và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3; **VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG VĨNH LỘC**
- BHXH tỉnh (để p/h);
- Lưu VT, NV Y PHN (03).

Số chứng thực: 321... Quyền số: 01

Ngày 21... Tháng 08... Năm 2020

CÔNG CHỨNG VIÊN



CÔNG CHỨNG VIÊN

Tạ Quang Thục

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Đỗ Thái Hòa

PHÊ DUYỆT DANH MỤC KỸ THUẬT TRONG KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH THỰC HIỆN TẠI TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN VĨNH LỘC

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-SYT ngày tháng 7 năm 2020 của Giám đốc Sở Y tế Thanh Hóa)

I. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC

STT	TT 43	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
			A	B	C	D
		B. HÔ HẤP				
1	52	Cầm chảy máu ở lỗ mũi sau bằng ống thông có bóng chèn	x	x	x	x
2	71	Mở khí quản cấp cứu	x	x	x	x
3	74	Mở khí quản qua da một thì cấp cứu	x	x	x	x
4	57	Thở oxy qua gọng kính (≤ 8 giờ)	x	x	x	x
5	64	Thủ thuật Heimlich (lấy dị vật đường thở) cho người lớn và trẻ em	x	x	x	x
6	65	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ	x	x	x	x
7	85	Vận động trị liệu hô hấp	x	x	x	
8	86	Khí dung thuốc cấp cứu (một lần)	x	x	x	x
9	157	Cố định lồng ngực do chấn thương gãy xương sườn	x	x	x	x
10	158	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp cơ bản	x	x	x	x
		C. THẬN - LỘC MÁU				
11	160	Đặt ống thông dẫn lưu bàng quang	x	x	x	x
12	164	Thông bàng quang	x	x	x	x
		D. TIÊU HOÁ				
13	215	Gây nôn cho người bệnh ngộ độc qua đường tiêu hóa	x	x	x	x
14	218	Rửa dạ dày cấp cứu	x	x	x	x
		E. TOÀN THÂN				
15	246	Đo lượng nước tiểu 24 giờ	x	x	x	x
16	250	Kiểm soát đau trong cấp cứu	x	x	x	
17	269	Băng ép bất động sơ cứu rắn cắn	x	x	x	x
18	270	Ga rô hoặc băng ép cầm máu	x	x	x	x
19	275	Băng bó vết thương	x	x	x	x

20	276	Cố định tạm thời người bệnh gãy xương	x	x	x	x
21	277	Cố định cột sống cổ bằng nẹp cứng	x	x	x	x
22	278	Vận chuyển người bệnh cấp cứu	x	x	x	x
23	279	Vận chuyển người bệnh chấn thương cột sống thắt lưng	x	x	x	

II. NỘI KHOA

STT	TT 43	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
			A	B	C	D
24	1	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ	x	x	x	x
25	4	Chăm sóc lỗ mở khí quản (một lần)	x	x	x	x
26	28	Kỹ thuật ho có điều khiển	x	x	x	x
27	29	Kỹ thuật tập thở cơ hoành	x	x	x	x
28	31	Kỹ thuật vỗ rung dẫn lưu tư thế	x	x	x	x
29	32	Khí dung thuốc giãn phế quản	x	x	x	x
30	68	Vận động trị liệu hô hấp	x	x	x	x
		D. TIÊU HÓA				
31	244	Đặt ống thông dạ dày	x	x	x	x
32	247	Đặt ống thông hậu môn	x	x	x	x
33	336	Test nhanh tìm hồng cầu ẩn trong phân	x	x	x	x
34	337	Thụt thuốc qua đường hậu môn	x	x	x	x
35	338	Thụt tháo chuẩn bị sạch đại tràng	x	x	x	x
36	339	Thụt tháo phân	x	x	x	x

XIII. PHỤ SẢN

STT	TT 43	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
			A	B	C	D
		A. SẢN KHOA				
37	40	Làm thuốc vết khâu tầng sinh môn nhiễm khuẩn	x	x	x	x
38	41	Khám thai	x	x	x	x
39	50	Điều trị tắc tia sữa bằng máy hút	x	x	x	

40	51	Điều trị tắc tia sữa bằng sóng ngắn, hồng ngoại	x	x	x	
		B. PHỤ KHOA				
41	145	Điều trị tổn thương cổ tử cung bằng đốt điện, đốt nhiệt, đốt laser, áp lạnh...	x	x	x	
42	148	Lấy dị vật âm đạo	x	x	x	
43	165	Khám phụ khoa	x	x	x	x
44	166	Soi cổ tử cung	x	x	x	x
45	167	Làm thuốc âm đạo	x	x	x	x
		Đ. KẾ HOẠCH HÓA GIA ĐÌNH				
46	225	Cấy - tháo thuốc tránh thai (loại nhiều nang)	x	x	x	
47	226	Cấy - tháo thuốc tránh thai (loại một nang)	x	x	x	
48	228	Đặt và tháo dụng cụ tử cung	x	x	x	x
		E. PHÁ THAI				
49	239	Phá thai bằng thuốc cho tuổi thai đến hết 7 tuần	x	x	x	
50	241	Phá thai đến hết 7 tuần bằng phương pháp hút chân không	x	x	x	x

XVI. RĂNG HÀM MẶT

STT	TT 43	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYÊN KỸ THUẬT			
			A	B	C	D
51	132	Chích áp xe lợi	x	x	x	x
52	133	Lấy cao răng	x	x	x	x
53	134	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Glasslonomer Cement	x	x	x	x
54	135	Phục hồi cổ răng bằng Glasslonomer Cement	x	x	x	
55	136	Phục hồi cổ răng bằng Composite	x	x	x	
56	137	Phục hồi thân răng có sử dụng pin ngà	x	x	x	
57	138	Điều trị nhạy cảm ngà bằng thuốc bôi (các loại)	x	x	x	x
58	139	Hàm giả tháo lắp bán phần nền nhựa thường	x	x	x	x
59	140	Hàm giả tháo lắp toàn phần nền nhựa thường	x	x	x	x
60	141	Điều trị thói quen nghiến răng bằng máng	x	x	x	x
61	142	Sửa hàm giả gãy	x	x	x	x
62	143	Thêm răng cho hàm giả tháo lắp	x	x	x	x
63	144	Thêm móc cho hàm giả tháo lắp	x	x	x	x

64	145	Đệm hàm nhựa thường	x	x	x	x
65	146	Nhổ răng vĩnh viễn	x	x	x	
66	147	Nhổ răng vĩnh viễn lung lay	x	x	x	
67	148	Nhổ chân răng vĩnh viễn	x	x	x	
68	149	Trám bít hố rãnh bằng Glasslonomer Cement	x	x	x	x
69	150	Hàn răng không sang chấn với Glasslonomer Cement	x	x	x	x
70	151	Điều trị răng sữa sâu ngà phục hồi bằng Glasslonomer Cement	x	x	x	x
71	152	Nhổ răng sữa	x	x	x	x
72	153	Nhổ chân răng sữa	x	x	x	x
73	154	Chích Apxe lợi trẻ em	x	x	x	x
74	155	Điều trị viêm lợi trẻ em (do mảng bám)	x	x	x	x
75	156	Sơ cứu vết thương phần mềm vùng hàm mặt	x	x	x	x

XVIII. ĐIỆN QUANG

STT	TT 43	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
			A	B	C	D
		3. Siêu âm ổ bụng				
76	15	Siêu âm ổ bụng (gan mật, tụy, lách, thận, bàng quang)	x	x	x	
77	16	Siêu âm hệ tiết niệu (thận, tuyến thượng thận, bàng quang, tiền liệt tuyến)	x	x	x	

XXII. TRUYỀN MÁU - HUYẾT HỌC

STT	TT 43	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
			A	B	C	D
		A. XÉT NGHIỆM ĐÔNG MÁU				
78	19	Thời gian máu chảy phương pháp Duke	x	x	x	x
79	20	Thời gian máu chảy phương pháp Ivy	x	x	x	x
80	21	Co cục máu đông (Tên khác: Co cục máu)	x	x	x	x
81	22	Nghiệm pháp dây thắt	x	x	x	x
		C. TẾ BÀO HỌC				
82	118	Dàn tiêu bản máu ngoại vi (Phết máu ngoại vi)	x	x	x	x
83	119	Phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng phương pháp thủ công)	x	x	x	x
84	120	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm tổng trở)	x	x	x	
85	138	Tìm ký sinh trùng sốt rét trong máu (bằng phương pháp thủ công)	x	x	x	x

86	142	Máu lắng (bằng phương pháp thủ công)	x	x	x	
87	149	Xét nghiệm tế bào cặn nước tiểu (bằng phương pháp thủ công)	x	x	x	x
88	150	Xét nghiệm tế bào trong nước tiểu (bằng máy tự động)	x	x		
89	151	Cặn Addis	x	x	x	

XXIII. HÓA SINH

STT	TT 43	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
			A	B	C	D
90	3	Định lượng Acid Uric	x	x	x	
91	7	Định lượng Albumin	x	x	x	
92	19	Đo hoạt độ ALT (GPT)	x	x	x	
93	20	Đo hoạt độ AST (GOT)	x	x	x	
94	25	Định lượng Bilirubin trực tiếp	x	x	x	
95	26	Định lượng Bilirubin gián tiếp	x	x	x	
96	27	Định lượng Bilirubin toàn phần	x	x	x	
97	41	Định lượng Cholesterol toàn phần	x	x	x	
98	51	Định lượng Creatinin	x	x	x	
99	75	Định lượng Glucose	x	x	x	
100	133	Định lượng Protein toàn phần	x	x	x	
101	158	Định lượng Triglycerid	x	x	x	
102	166	Định lượng Urê	x	x	x	
		B. NƯỚC TIỂU				
103	173	Định tính Amphetamin (test nhanh)	x	x	x	x
104	179	Định tính beta hCG (test nhanh)	x	x	x	x
105	193	Định tính Opiate (test nhanh)	x	x	x	x
106	194	Định tính Morphin (test nhanh)	x	x	x	x
107	195	Định tính Codein (test nhanh)	x	x	x	x
108	196	Định tính Heroin (test nhanh)	x	x	x	x
109	202	Định tính Protein Bence -jones	x	x	x	x
110	206	Tổng phân tích nước tiểu (Bảng máy tự động)	x	x	x	x

XXIV. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG

STT	TT 43	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
			A	B	C	D
		A. VI KHUẨN				
111	1	Vi khuẩn nhuộm soi	x	x	x	x
112	2	Vi khuẩn test nhanh	x	x	x	x
113	49	Neisseria gonorrhoeae nhuộm soi	x	x	x	x

114	56	Neisseria meningitidis nhuộm soi	x	x	x	x
115	60	Chlamydia test nhanh	x	x	x	x
116	80	Leptospira test nhanh	x	x	x	x
117	94	Streptococcus pyogenes ASO	x	x	x	x
118	95	Treponema pallidum soi tươi	x	x	x	x
		B. VIRUS				
119	108	Virus test nhanh	x	x	x	x
120	117	HBsAg test nhanh	x	x	x	x
121	122	HBsAb test nhanh	x	x	x	x
122	127	HBcAb test nhanh	x	x	x	x
123	130	HBeAg test nhanh	x	x	x	x
124	133	HBeAb test nhanh	x	x	x	x
125	144	HCV Ab test nhanh	x	x	x	x
126	155	HAV Ab test nhanh	x	x	x	x
127	163	HEV Ab test nhanh	x	x	x	x
128	164	HEV IgM test nhanh	x	x	x	x
129	169	HIV Ab test nhanh	x	x	x	x
130	170	HIV Ag/Ab test nhanh	x	x	x	x
		C. KÝ SINH TRÙNG				
131	263	Hồng cầu, bạch cầu trong phân soi tươi	x	x	x	x
132	264	Hồng cầu trong phân test nhanh	x	x	x	x
133	265	Đơn bào đường ruột soi tươi	x	x	x	x
134	266	Đơn bào đường ruột nhuộm soi	x	x	x	x
135	267	Trứng giun, sán soi tươi	x	x	x	x
136	268	Trứng giun soi tập trung	x	x	x	x

(Tổng số: 136 danh mục kỹ thuật)

Số: 320. /HĐCM

Thạch Thành, ngày 01 tháng 4 năm 2021

HỢP ĐỒNG HỖ TRỢ KỸ THUẬT, CHUYÊN MÔN Y TẾ

Căn cứ Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015;
Căn cứ Luật Bảo hiểm y tế số 46/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2014;
Căn cứ Luật khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 04 tháng 12 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều Luật Bảo hiểm y tế;

Căn Cứ Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ Quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư 14/2013/TT-BYT ngày 06 tháng 5 năm 2013.

Căn cứ Công văn số 1822/SYT-NVY ngày 22/6/2020 của Sở Y tế về việc ký hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế tại Trạm Y tế tuyến xã thông qua Trung tâm y tế tuyến huyện;

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, khả năng cung cấp và nhu cầu của của hai bên:

Hôm nay, ngày tháng 3 năm 2021

Tại Bệnh viện đa khoa huyện Thạch Thành, Chúng tôi gồm có:

Bên A: BỆNH VIỆN ĐA KHOA HUYỆN THẠCH THÀNH

Đại diện:

Ông: **Nguyễn Đình Hải**

Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: Thôn Đồng Khanh, xã Thành Thọ, huyện Thạch Thành, Thanh Hóa

Số điện thoại: 0373.877.006

Số tài khoản: 3714.0.1093221.00000 tại kho bạc nhà nước huyện Thạch Thành, Thanh Hoá

Mã số thuế: 2800789034

Bên B: TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN VĨNH LỘC

Đại diện:

Ông: **Phạm Văn Tiến.**

Chức vụ : Giám đốc



Địa chỉ: Thôn Bái Xuân, xã Vĩnh Phúc, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

Điện thoại: 02373.522.686;

Số tài khoản: 3508201002723 tại ngân hàng NN&PTNT Vĩnh Lộc, Thanh Hóa

Mã số thuế: 2801401173

Hai bên thống nhất thỏa thuận nội dung hợp đồng như sau:

Điều 1. Hỗ trợ chuyên môn, kỹ thuật y tế

- Hỗ trợ chuyên môn: Bên A có trách nhiệm hỗ trợ Bên B các chuyên khoa còn thiếu khi có sự yêu cầu từ bên B.

- Hỗ trợ kỹ thuật: Bên A có trách nhiệm hỗ trợ các kỹ thuật y tế mà Bên B chưa có khi có sự yêu cầu từ bên B (có hợp đồng kỹ thuật đi kèm khi có yêu cầu)

Điều 2. Các trường hợp hỗ trợ chuyên môn, kỹ thuật y tế

- Công tác khám bệnh, chữa bệnh hàng ngày của phòng khám đa khoa thuộc Trung tâm Y tế.

- Hỗ trợ chuyên môn các chuyên khoa còn thiếu như: Mắt; Ngoại khoa; Tai mũi họng; Chẩn đoán hình ảnh; (Có danh sách kèm theo);

- Các chương trình chăm sóc sức khỏe cho nhân dân khi có sự yêu cầu hỗ trợ từ bên B.

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của bên B:

1. Quyền của bên B: Được cung cấp, hỗ trợ các kỹ thuật, chuyên môn đúng theo quy định của Bộ y tế.

2. Nghĩa vụ bên B:

2.1. Trả đủ phí, lệ phí cho bên A theo hợp đồng kinh tế giữa 02 bên (có hợp đồng kỹ thuật đi kèm khi có yêu cầu)

2.2. Hình thức thanh toán lệ phí : Tiền mặt hoặc chuyển khoản

2.3. Tôn trọng, chấp hành đúng các quy định của bên A và các quy định khác về bảo đảm an toàn trong việc xử lý các kỹ thuật y tế và chuyên môn

2.4. Thông báo cho bên A trước khi có các chương trình, mục tiêu cần hỗ trợ chuyên môn, kỹ thuật y tế.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của bên A

1. Quyền của bên A:

1.1. Yêu cầu bên B cung cấp nội dung hỗ trợ chuyên môn, thời gian và địa điểm cho mỗi lần hỗ trợ.

1.2. Từ chối cung cấp các dịch vụ kỹ thuật, chuyên môn y tế ngoài các nội dung ở điều 2

2. Nghĩa vụ của bên B: cung cấp đầy đủ các thiết bị bên B còn thiếu mà bên A có thể hỗ trợ

Điều 5. Trách nhiệm do vi phạm hợp đồng

1. Bên nào vi phạm hợp đồng, thì phải trả cho bên bị vi phạm tiền phạt vi phạm hợp đồng, chi phí để ngăn chặn hạn chế thiệt hại do vi phạm gây ra là 20% giá trị hợp đồng đã ký kết.

2. Bên nào đã ký hợp đồng mà không thực hiện hợp đồng hoặc đơn phương đình chỉ hợp đồng mà không có lý do chính đáng thì sẽ bị phạt tới 50% giá trị phần tổng lệ phí đã ký hợp đồng.

Điều 6. Giải quyết tranh chấp hợp đồng

1. Nếu có vấn đề gì bất lợi các bên phải kịp thời thông báo cho nhau biết và tích cực giải quyết trên cơ sở thỏa thuận bình đẳng, cùng có lợi.

2. Trường hợp các bên không tự giải quyết xong thì thống nhất sẽ khiếu nại tới Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, Thanh Hóa.

3. Chi phí cho những hoạt động kiểm tra xác minh và lệ phí Tòa án do bên có lỗi chịu.

Điều 7. Hiệu lực của hợp đồng

Hợp đồng này được làm thành 04 bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ một bản và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 04 năm 2021 đến ngày tháng năm 20...../.

ĐẠI DIỆN BÊN A



GIÁM ĐỐC BVĐK
Nguyễn Đình Hải

ĐẠI DIỆN BÊN B



GIÁM ĐỐC TTYT
Phạm Văn Tiến